

Bản án số: 41 /2024/HS-ST
Ngày 29 - 3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Dinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2024; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 28A/2024/QĐXXST-HS ngày 19/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Phạm Đắc T; sinh ngày 14 tháng 10 năm 1989. Giới tính: Nam; tại Thái Bình. Nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Căn cước công dân số: 034089018645. Con ông: Phạm Đắc P, sinh năm 1962; con bà: Vũ Thị M, sinh năm 1965; có vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989, con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Trịnh Bình N, sinh ngày: 10 tháng 5 năm 1982. Giới tính: Nam. Tại Thái bình. Nơi thường trú: tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: ông Trịnh Quang V, sinh năm 1943 (đã chết), con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1950, có vợ: Hoàng Thị Hà P1, sinh năm 1985, có 3 con, lớn sinh năm 2011 nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: Phạm Phú T2; sinh ngày 04/02/1968. Giới tính: Nam; tại Thái Bình. Nơi thường trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số: 034068005786. Con ông: ông Phạm Phú Đ, sinh năm 1932; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1934; có vợ: Đỗ Thị G, sinh năm 1974; bị can có 3 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 02/1989 đến tháng 02/1992 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Bộ tư lệnh phòng không không quân. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ tên: Nguyễn Tất T3, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1974. Giới tính: Nam; tại Thái Bình. Nơi thường trú: tổ dân phố số A, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Căn cước công dân số: 034074019340. Con ông: ông Nguyễn Duy V1, sinh năm 1945; con bà Phạm Thị Y, sinh năm 1948; đều trú tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có vợ: Phạm Thị N1, sinh năm 1977, có 2 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ tháng 03/1992 đến tháng 01/1994 tham gia nghĩa vụ quân sự tại tiểu đoàn 5 Hóa học - Bộ T5. Bị cáo có bố là ông Nguyễn Duy V1 được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Ba trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có mẹ là bà Phạm Thị Y được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ tên: Nguyễn Công K, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1972. Giới tính: Nam; tại Thái Bình. Nơi thường trú: tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Căn cước công dân số: 034072008079. Con ông: ông Nguyễn Công C, sinh năm 1932; Mẹ đẻ: bà Trần Thị H1, sinh năm 1934; có vợ: Phạm Thị Lan P2, sinh năm 1989. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008 (Con vợ cả đã ly hôn). 01 con sinh năm 2024.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ tên: Trần Thị H2, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1965. Giới tính: Nữ; tại Thái Bình. Nơi thường trú: tổ dân phố số F, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Căn cước công dân số: 034165017948. Con ông: ông Trần Văn V2 (đã chết); Mẹ đẻ: bà Ngô Thị L, sinh năm 1930. Có chồng: Bùi Quang B, sinh năm 1965. Bị cáo có 01 con, sinh năm 1992.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ tháng 02/1985 đến tháng 12/1988 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Lữ đoàn 134 Binh chủng thông tin liên lạc. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hồi 9 giờ 10 phút ngày 15 tháng 12 năm 2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt quả tang tại quán C1 thuộc tổ dân phố số F, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình gồm Trịnh Bình N, Phạm Đắc T, Nguyễn Tất T3, Nguyễn Công K và Phạm Phú T2 đang đánh bạc bằng hình thức đánh lốc bằng bộ bài tú lơ khơ được thua bằng tiền. Lực lượng Công an thu giữ trên mặt bàn uống nước nơi các đối tượng ngồi số tiền 23.150.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 bàn hình tròn mặt bàn làm bằng gỗ màu cánh dán, 05 ghế tựa bằng kim loại, mặt ghế được bọc da màu vàng.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 15 tháng 12 năm 2023, Trịnh Bình N đến quán C1 ở tổ dân phố số F, thị trấn D để uống cafe thì gặp Phạm Đắc T, Phạm Phú T2, Nguyễn Công K, Nguyễn Tất T3 đang ngồi uống nước tại đó. Do quen biết nên N vào ngồi cùng bàn với 4 người trên. Cả 5 người ngồi uống nước đến khoảng 8 giờ 40 phút, thì nảy sinh ý định rủ nhau đánh bài ăn tiền dưới hình thức đánh lốc, nên cả 5 người di chuyển từ bàn uống nước ở ngoài sân vào bàn ở trong nhà. Khi vào trong có người nói nhờ chủ quán Trịnh Thị H3 đi mua bộ bài tú lơ khơ; khi được nhờ, H3 đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để trên mặt bàn uống nước của 5 người rồi tiếp tục phục vụ việc bán cafe. Quá trình chơi, các đối tượng thỏa thuận thống nhất cách chơi như sau: Mỗi ván bài sẽ chia cho mỗi người 10 cây bài. Người thắng ván trước sẽ là người được chia bài và đánh đầu tiên ở ván bài mới. Lần lượt từng người đánh

các cây bài do mình lựa chọn từ 01 đến 10 lá trên tay sao cho từng lá được ghép với nhau theo quy luật từng cặp đôi, bộ B1, bộ bốn đến bộ mười lá. Nếu từ ba lá trở lên phải được xếp theo thứ tự liên tiếp nhau không phụ thuộc vào cây đỏ hay đen. Khi nào có một người đánh đi được hết 10 cây bài thì là người thắng. Những người thua sẽ phải đếm số cây bài còn lại chưa đánh được và trả tiền cho người thắng cuộc với số tiền thỏa thuận là 20.000 đồng/cây. Ngoài ra, sau khi chia bài mỗi người có 10 cây bài nhưng thỏa mãn các điều kiện sau: được 05 cặp đôi; 10 cây bài cùng một màu (Đỏ hoặc đen); 10 cây bài liên tiếp nhau, 04 cây 2 hoặc có thể đánh hết 10 cây bài mà không bị người khác bắt được thì được tính là “lốc” và người “báo lốc” sẽ được từ mỗi người thua 500.000 đồng. Nếu “báo lốc” mà bị người khác bắt được thì người “báo lốc” phải đưa cho người bắt được bài 2.000.000 đồng. Trong trường hợp hết một ván bài mà có người không đánh được cây bài nào thì sẽ phải đưa cho người thắng của ván đó số tiền 400.000 đồng, trường hợp bị người khác chặn tứ quý thì người bị chặn phải đưa cho người chặn số tiền 500.000 đồng. Vị trí ngồi theo thứ tự như sau: từ Nguyễn Công K, bên tay phải K là N, tiếp đến là T, T2, T3. Quá trình H3 mang nước vào cho 5 người thấy các bị cáo đang đánh bài ăn tiền nhưng không nói gì, không yêu cầu các bị cáo phải trả tiền hồ. Bản thân T xác định khi đến mang theo khoảng 3.000.000 đồng, trong quá trình đánh T3 có vay T số tiền 3.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc. Số tiền của T khi bị bắt quả tang còn trên mặt bàn 3.490.000 đồng. T2 mang theo khoảng 6.000.000 đồng, N 6.000.000 đồng, K mang theo khoảng 3.000.000 đồng để đánh bạc; T3 mang theo khoảng 1.000.000 đồng, trong quá trình chơi T3 thua nên có mượn Trường 3.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc, đến lúc bị bắt trên mặt bàn chỗ T3 ngồi có 4.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 23/CT- VKSTT ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo Phạm Đắc T, Trịnh Bình N, Phạm Phú T2, Nguyễn Tất T3, Nguyễn Công K và Trần Thị H2 về tội “Đánh bạc”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng.

* Về tội danh: Đề nghị hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Phạm Đắc T, Trịnh Bình N, Phạm Phú T2, Nguyễn Tất T3, Nguyễn Công K và Trần Thị H2 về tội “Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

* Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, (Khoản 2 Điều 51 với các bị cáo Phạm Phú T2, Nguyễn Tất T3 và Trần Thị H2); Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Xử phạt tiền đối với bị cáo: Phạm Phú T2, Phạm Đắc T, và Trịnh Bình N từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Đề nghị Xử phạt tiền đối với bị cáo: Nguyễn Tất T3, Nguyễn Công K và Trần Thị H2 từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

* Xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền sử dụng để đánh bạc là 23.150.000 đồng được niêm phong và gửi giữ tại Kho bạc nhà nước huyện T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

- Trả lại bị cáo Trần Thị H2 01 bàn hình tròn mặt bàn làm bằng gỗ màu cánh dán; 05 ghế tựa bằng kim loại, mặt ghế được bọc da màu vàng.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến và tranh luận gì về bản luận tội của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hồi 9 giờ 10 phút ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại quán café T của Trần Thị H2 thuộc địa phận tổ dân phố số F, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Công an huyện T bắt quả tang các bị cáo Phạm Đắc T, Nguyễn Tất T3, Trịnh Bình N, Phạm Phú T2, Nguyễn Công K có hành vi đánh bạc sạt phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh lốc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 23.150.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện T lập hồi 9 giờ 10 phút ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại quán C1 thuộc tổ dân phố số F, thị trấn D. Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ. Ảnh

vị trí các bị cáo ngồi đánh bạc khi bị bắt quả tang. Bản kết luận giám định số 1091/KL-KTHS ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: “114 tờ tiền cần giám định là tiền thật”. Lời khai của người làm chứng anh Đoàn Duy T4 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Đắc T, Trịnh Bình N, Phạm Phú T2, Nguyễn Tất T3, Nguyễn Công K và Trần Thị H2 đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Đánh bạc là tệ nạn của xã hội dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như: Phát tán tài sản, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình và có thể là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội mà Nhà nước đã có nhiều chính sách pháp luật nhằm phòng chống và đẩy lùi tệ nạn xã hội trong đó có tệ nạn cờ bạc. Các bị cáo thực hiện dưới hình thức lờ mờ, nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, vì vậy cần phải có mức án nghiêm minh tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe giáo dục phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố xét xử các bị cáo T, N, T2, T3, K, H2 đều thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T2, T3 và H2 có thời gian tham gia quân đội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo T3 có bố mẹ là người có công được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất và hạng 3 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo N, T2 sử dụng số tiền đánh bạc 6.000.000 đồng, bị cáo T mặc

dù mang theo 3.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc, nhưng trong quá trình đánh thắng cho bị cáo T3 vay 3.000.000 đồng đánh bạc, nên T phải chịu trách nhiệm đồng phạm về số tiền cho vay. Vì vậy bị cáo N, T2, T có vai trò đầu.

[5.1.] Các bị cáo T3 và K mỗi bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc 3.000.000 đồng ít hơn các bị cáo còn lại, bị cáo H2 là người đi mua hộ bài, cung cấp địa điểm cho các bị cáo đánh bạc ăn tiền nhưng không thu tiền hồ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm nên các bị cáo giữ vai trò thấp hơn trong vụ án.

[5.2] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Các bị cáo có công việc, thu nhập và nơi cư trú ổn định. Các bị cáo có nhân thân tốt nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội chỉ cần áp dụng hình phạt Tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật, chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[6.] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện T thu giữ số tiền 23.150.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc được niêm phong và gửi giữ tại Kho bạc nhà nước huyện T cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6.1.] Cơ quan điều tra Công an huyện T thu giữ 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy .

[6.2.] Cơ quan điều tra Công an huyện T thu giữ của bị cáo Trần Thị H2 01 bàn hình tròn mặt bàn làm bằng gỗ màu cánh dán; 05 ghế tựa bằng kim loại, mặt ghế được bọc da màu vàng là bàn ghế bán hàng tại quán C1 các bị cáo đến uống café sau mới chơi bạc vì vậy nên trả lại cho bị cáo H2 là phù hợp .

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đắc T, Trịnh Bình N, Phạm Phú T2, Nguyễn Tất T3, Nguyễn Công K và Trần Thị H2 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, (Khoản 2 Điều 51 với các bị cáo Phạm Phú T2, Nguyễn Tất T3 và Trần Thị H2), Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự.

2.1. Xử phạt tiền bị cáo Phạm Phú T2 80.000.000 đồng.

- 2.2. Xử phạt tiền bị cáo Phạm Đắc T 80.000.000 đồng.
- 2.3. Xử phạt tiền bị cáo Trịnh Bình N 80.000.000 đồng.
- 2.4. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Tất T3 60.000.000 đồng.
- 2.5. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Công K 60.000.000 đồng.
- 2.6. Xử phạt tiền bị cáo Trần Thị H2 40.000.000 đồng.

3. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là 23.150.000 đồng được niêm phong và gửi giữ tại Kho bạc nhà nước huyện T.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

4.2. Trả lại bị cáo Trần Thị H2 01 bàn hình tròn mặt bàn làm bằng gỗ màu cánh dán; 05 ghế tựa bằng kim loại, mặt ghế được bọc da màu vàng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Đắc T, Trịnh Bình N, Phạm Phú T2, Nguyễn Tất T3, Nguyễn Công K và Trần Thị H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Các Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo Phạm Đắc T, Trịnh Bình N, Phạm Phú T2, Nguyễn Tất T3, Nguyễn Công K và Trần Thị H2 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29 tháng 3 năm 2024.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Thái Thụy,
tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra, cơ quan thi
hành án hình sự, phòng hồ sơ
Công an huyện Thái Thụy, tỉnh
Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái
Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Vũ Việt Hưng